

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/05/2019  
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Thọ

2. Bà Hoàng Thị Thiệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hoài T – Sinh năm: 1991

HKTT: Số 24 ngõ 20 L, phường Đ, quận B, thành phố H

*(Có mặt tại phiên tòa)*

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H – Sinh năm: 1986

HKTT: Số 24 ngõ 20 L, phường Đ, quận B, thành phố H

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, trại giam Suối Hai- Ba Vì- Hà Nội

*(Vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn xin ly hôn ngày 18/03/2019 và ý kiến trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là kết hôn lần đầu của anh chị. Sau khi tổ chức lễ cưới năm 2010 thì vợ chồng chung sống tại số 24 ngõ 20 L, phường Đ, quận B, thành phố H là nhà của bố mẹ chồng. Anh chị vừa tổ chức lễ cưới xong, chưa kịp

đăng kí kết hôn thì anh H phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án. Đến năm 2013 anh H ra trại về thì anh chị mới đăng kí kết hôn tại UBND phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội vào ngày 30/05/2013. Nhưng vợ chồng anh chị sống với nhau chưa đầy một năm, anh H lại tiếp tục phạm tội và đi chấp hành án tiếp. Đến năm 2017 anh H ra trại về thì năm 2018 anh H lại bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị TAND Quận Hai Bà Trưng xử 8 năm tù. Hiện nay, anh H đang chấp hành án tại phân trại số I, trại giam Suối Hai, Ba Vì, Hà Nội. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H lao vào con đường nghiện ngập từ nhiều năm nay, phải đi chấp hành án thời gian dài nên chị vô cùng mệt mỏi, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống như hiện nay. Vì vậy chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh H không vay nợ chung của ai và không ai vay nợ của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/04/2019 tại Phân trại số I, Trại giam suối Hai Ba Vì, Hà Nội, bị đơn – anh **Nguyễn Mạnh H** trình bày:

Chị T trình bày về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình mâu thuẫn vợ chồng như trên là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân do anh nghiện ma túy và nhiều lần bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán ma túy nên vợ chồng có ít thời gian chung sống với nhau và hiểu nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh xác định vợ chồng không vay nợ ai và không ai vay nợ của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo đơn xin ly hôn của chị T và các tài liệu, chứng cứ kèm theo nộp cho Tòa án, anh không có ý kiến gì.

Vì điều kiện hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án này.

Ngoài ra, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác

**Tại phiên tòa:**

- Chị T vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn vì anh H mắc vào tệ nạn xã hội dẫn đến việc đi tù, không quan tâm, chăm sóc gì được cho gia đình, làm chị vô cùng mệt mỏi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chị vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai- Ba Vì- Hà Nội nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, không có con chung nên không xét. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài T thể hiện trước khi đi chấp hành án, bị đơn – anh Nguyễn Mạnh H cư trú tại Số 24 ngõ 20 L, phường Đ, quận B, thành phố H Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đang chấp hành án tại Phân trại số I, Trại giam Suối Hai, Ba Vì, Hà Nội nên đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 30/05/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Nguyễn Mạnh H:

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc. Sau khi tổ chức lễ cưới xong, anh chị về chung sống tại địa chỉ tại Số 24 ngõ 20 L, phường Đ, quận B, thành phố H. Anh chị chưa kịp đi đăng ký kết hôn thì năm 2010, anh H phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đi chấp hành án. Đến năm 2013, khi anh ra trại về thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ.

Xét thấy, anh H bị nghiện ma túy từ lâu. Vì vậy, mà anh H liên tiếp phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy. Năm 2018 anh H bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 8 năm tù giam, và hiện đang chấp hành án phạt tù do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Bản thân anh H cũng xác định do anh nghiện ma túy và nhiều lần bị kết án nên vợ chồng có ít thời gian chung sống với nhau và hiểu nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Nguyễn Mạnh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung và nhà ở chung nên không xem xét.

2.4. Về công nợ: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0002254 ngày 02/04/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Chị T, anh H có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài T đối với anh Nguyễn Mạnh H. Chị T được ly hôn anh Hùng.

2. Về con chung: Chị T và anh H xác nhận không có con chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị T và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0002254 ngày 02/04/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh H. Chị T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đ;
- (CNKH số 54, quyển số 01/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thanh Tú**